

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27-4-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI -TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Huy, bà Lê Thị Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Hoàng Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Huyền và ông Trần Văn Tri- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28-3-2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 05/2023/TB-XX ngày 14-4-2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 197x.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thế Đ, sinh năm 197x.

Cùng địa chỉ: Tổ x, phường N, thành phố YB, tỉnh YB

Chị H vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Anh Đ vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 06-02-2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thế Đ kết hôn ngày 08-9-2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Văn Phú, huyện Trấn Yên (nay là thành phố Yên Bái), tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thường xuyên

xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Đỉnh điểm mâu thuẫn là vào tháng 12 năm 2022, do anh Đ uống rượu, ghen tuông vô cớ dẫn đến gây sự với gia đình nhà bố mẹ đẻ chị và tại nơi làm việc của chị. Mâu thuẫn này tuy đã được hai bên gia đình động viên, khuyên nhủ, bản thân anh chị cũng đã tìm cách khắc phục nhưng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Chị và anh Đ đã sống ly thân từ ngày 16-01-2023, chị đã đưa hai con về sống tại nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn Tuy Lộc, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái từ ngày đó. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị H xác nhận chị và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn MC, sinh ngày 18-4-201x và Nguyễn VN, sinh ngày 19-6-201x. Chị đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con và yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con số tiền là 1.000.000 đồng/01 cháu/01 tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20-02-2023, trong quá trình giải quyết vụ án- bị đơn anh Nguyễn Thế Đ trình bày:

Anh xác nhận về thời gian, địa điểm kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 01-2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh đã uống rượu vào những ngày Tết cổ truyền sau đó đã có những hành vi và lời nói không chuẩn mực tại gia đình vợ và nơi làm việc của vợ dẫn đến việc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Chị H đã đưa hai con về nhà ngoại ở từ ngày 16-02-2023 đến nay. Anh đã nhận thức được lỗi của bản thân và tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị H chưa đồng ý. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H, không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị được đoàn tụ.

Về con chung: Anh Đ xác nhận anh và chị H có 02 con chung là Nguyễn MC, sinh ngày 18-4-2010 và Nguyễn VN, sinh ngày 19-6-2014. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh, anh đề nghị giao cháu Chi và cháu Ngọc cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và anh cấp dưỡng nuôi con số tiền là 1.000.000 đồng/01 tháng/01 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Thế Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thế Đ; Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn MC, sinh ngày 18-4-2010 và cháu Nguyễn VN, sinh ngày 19-6-2014; anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con số tiền là 1.000.000 đồng/01 tháng/01 cháu cho đến khi cháu Chi và cháu Ngọc đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con; Về quyền kháng cáo: Chị H và anh Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; Bị đơn anh Nguyễn Thế Đ có hộ khẩu thường trú tại tổ 9, phường Nguyễn Thái Học, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa, nguyên đơn- chị Nguyễn Thị H vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn- anh Nguyễn Thế Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thế Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Văn Phú,

huyện Trấn Yên (nay là thành phố Yên Bái), tỉnh Yên Bái ngày 08-9-2008, là hôn nhân hợp pháp. Anh chị đều thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc anh Đ uống rượu. Chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Anh Đ xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong muốn được đoàn tụ và không đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết, Tòa án đã kiên trì hòa giải, động viên nhưng chị H vẫn cương quyết xin ly hôn, bản thân anh Đ cũng thừa nhận không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án đã hai lần triệu tập anh Đ đến phiên tòa nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do, thể hiện anh Đ không có thiện trí hòa giải. Như vậy, có căn cứ cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh Đ.

[3] Về con chung: Chị H và anh Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn MC, sinh ngày 18-4-2010 và cháu Nguyễn VN, sinh ngày 19-6-2014. Hiện nay cháu C và cháu N đang ở cùng với chị H. Chị H và anh Đ đều đề nghị giao cháu Cvà cháu N cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và anh Đ cấp dưỡng nuôi con số tiền là 1.000.000 đồng/01 tháng/01 cháu cho đến khi cháu C, cháu N đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi. Xét đề nghị của anh chị là tự nguyện, không trái pháp luật, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn MC và cháu Nguyễn VN là được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn, cần chấp nhận.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự ;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thế Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn MC, sinh ngày 18-4-2010 và cháu Nguyễn VN, sinh ngày 19-6-2014; anh Nguyễn Thế Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền là 1.000.000 đồng/tháng/01 cháu cho đến khi cháu Ngọc, cháu Chi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị H có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Đ chưa thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì anh Đ còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2022/0000080 ngày 06-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Thế Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ chưa nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thế Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Yên Bái ;
- VKSND tp.Yên Bái;
- THADS tp. Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND xã Văn Phú, TP Yên Bái;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Tạ Thị Kim Anh

